

Vườn Quốc gia Côn Đảo

Tên khác

Côn Sơn, Poulo Condore

Tỉnh

Bà Rịa-Vũng Tàu

Tình trạng

Nghị định

Ban quản lý được thành lập

Có

Vĩ độ

8°37' - 8°48' vĩ độ Bắc

Kinh độ

106°32' - 106°45' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

05a - Châu thổ Sông Mê Kông



Tình trạng bảo tồn

Quần đảo Côn Đảo ở cách bờ biển miền Nam Việt Nam khoảng 80 km. Năm 1983, Chi cục Kiểm lâm Đặc khu Bà Rịa-Vũng Tàu đã hợp tác với Cục Kiểm lâm của Bộ Lâm nghiệp cũ và Phân viện ĐTQH Rừng, thành phố Hồ Chí Minh xây dựng nghiên cứu khả thi cho quần đảo Côn Đảo, trong đó đã đề nghị xây dựng tại đây một khu rừng đặc dụng. Dựa theo đề nghị này, ngày 01/03/1984 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định Số 85/CT, thành lập vườn quốc gia Côn Đảo với diện tích 6.000 ha (Bộ NN và PTNT, 1997).

Năm 1990, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo đã hợp tác với Trung tâm Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự án đầu tư cho Vườn Quốc gia Côn Đảo. Theo dự án đầu tư này diện tích vườn được đề xuất là 15.043 ha, bao gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 3.200 ha, phân khu phục hồi sinh thái 2.843 ha và diện tích khu bảo vệ biển là 9.000 ha (Anon. 1990). Dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định Số 135/TTg, ký ngày 31/03/1993 (ADB 1999).

Năm 1997, Phân viện ĐTQH Rừng tp. Hồ Chí Minh đã chỉnh lý dự án đầu tư Vườn Quốc gia Côn Đảo cho kế hoạch 1998 đến 2002. Dự án đầu tư

này đề xuất mở rộng diện tích của vườn quốc gia lên thành 19.998 ha, bao gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 5.446 ha, phân khu phục hồi sinh thái 500 ha, phân khu hành chính dịch vụ 52 ha và khu bảo vệ biển 14.000 ha. Thêm vào đó, đã xác định vùng đệm trên biển có diện tích 20.500 ha (Anon. 1997). Dự án đầu tư sau khi chỉnh lý đã được UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt theo Quyết định Số 1165/QĐ-UB, ngày 16/05/1998.

Địa hình và thủy văn

Vườn Quốc gia Côn Đảo nằm ở trung tâm quần đảo này và gồm đến 14 đảo nhỏ, đảo lớn nhất là Côn Sơn. Địa hình đảo Côn Sơn là vùng đồi núi, ưu thế bởi các dãy đá granit chạy từ phía tây nam đến đông bắc, che chở cho các vùng vịnh của đảo cả về hai phía khỏi những luồng gió mạnh. Những điểm cao nhất trên đảo là đỉnh Núi Thánh Giá và Núi Chúa, có độ cao 577 m và 515 m. Điểm cao nhất trên các đảo nhỏ là 200 m.

Không sông suối thường xuyên trên cả quần đảo Côn Đảo, các dòng suối chỉ có nước theo mùa. Vào mùa mưa, lượng nước dư thừa, nhưng trong mùa khô thì thiếu nước là vấn đề lớn đối với người dân trên đảo. Có 3 hồ chứa nước mưa để cấp nước cho nhân dân vào mùa khô.

Quần đảo Côn đảo nằm ở vùng giao nhau giữa hai luồng hải lưu: luồng hải lưu ấm từ phía nam và luồng hải lưu lạnh từ phía bắc.

Đa dạng sinh học

Đảo Côn Sơn và nhiều đảo nhỏ khác thuộc quần đảo này đều có rừng. Theo dự án đầu tư đã được chính lý thì vườn quốc gia có 4.095 ha rừng, bằng 81% tổng diện tích đảo nổi thuộc khu bảo tồn. Hiện nay, đã tìm thấy 882 loài thực vật có mạch, trong đó có 91 loài cây thuốc. Một đặc điểm nổi bật của khu hệ thực vật Côn Đảo là tại đây có 44 loài thực vật lần đầu tiên được mô tả tại các đảo. Nhiều loài mang tên các địa danh của vùng như Dầu côn sơn *Dipterocarpus condorensis*, Bù côn sơn *Ilex condorensis*, Đọt dành côn sơn *Pavetta condorensis* và Lầu côn sơn *Psychotria condorensis* (Anon. 1997).

Rừng trên đất liền có nhiều loài chim, thú quan trọng đối với công tác bảo tồn như phân loài đặc hữu Sóc đen côn sơn *Ratufa bicolor condorensis*. Khu hệ chim Côn Đảo còn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Tuy nhiên, có nhiều loài chim ở Côn Đảo không tìm thấy ở bất kỳ một nơi nào khác ở Việt Nam như loài Bồ câu nicoba *Caloenas nicobarica*, Chim nhiệt đới *Phaethon aethereus*, Chim điên mặt xanh *Sula dactylatra* và Gấm gì trắng *Ducula bicolor*.

Hệ sinh thái biển vườn quốc gia có rừng ngập mặn, các rạn san hô và cỏ biển. Rừng ngập mặn phân bố xung quanh Hòn Ba và dọc bờ biển phía tây Côn Đảo. Các rạn san hô ở Côn Đảo thuộc loại cổ xưa nhất ở Việt Nam và đạt mức độ đa dạng sinh học cao. Các cuộc điều tra của Viện Hải dương học Nha Trang đã ghi nhận có 1.323 loài động thực vật biển, trong đó có 44 loài ghi trong sách đỏ Việt Nam. Với 153 loài nhuyễn thể ghi nhận được, chứng tỏ sự đa dạng của nhóm nhuyễn thể tại đây cao hơn bất kỳ mọi đảo khơi khác ở Việt Nam (ADB 1999). Thảm cỏ biển của Côn Đảo có một quần thể nhỏ của loài thú biển bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu là loài Bò biển *Dugong dugon*. Hơn thế nữa, các bãi biển ở đây là nơi làm tổ quan trọng của loài Vích *Chelonia*

mydas và Đồi mồi *Eretmochelys imbricata* (Nguyễn Thị Đào 1999).

Các vấn đề về bảo tồn

Hiện nay, mức độ tác động của con người lên hệ sinh thái ở cận tương đối thấp (J. Hardcastle pers. comm.). Ngoại trừ việc du nhập nhân tạo các loài thú có thể gây nên mối đe dọa đến các quần thể chim làm tổ trên đảo như Bồ câu nicobar và các loài chim biển khác (J. Eames pers. comm.).

Một trong các mối đe dọa lớn nhất đến đa dạng sinh học vườn quốc gia Côn Đảo là sự phát triển cơ sở hạ tầng. Hiện nay, các đảo đang được phát triển như là điểm du lịch và nhiều dự án xây dựng liên hợp cũng theo hướng này. Điều này thể hiện qua việc xây dựng các khách sạn, mở rộng cảng hàng không và xây dựng những tuyến đường mới. Các hoạt động này có khả năng mang lại những tác động hết sức tiêu cực đối với môi trường thiên nhiên của vườn như gây nên sự ô nhiễm, làm nhiễu loạn đối với các quần thể động vật hoang dã, và gây nên sự bồi lấp bùn cát lên các rạn san hô và thảm cỏ biển (J. Hardcastle pers. comm.).

Đa dạng sinh học biển ở vườn quốc gia Côn Đảo bị đe dọa bởi các kỹ thuật đánh bắt mang tính huỷ diệt như sử dụng chất xianua (KN) để đánh bắt loài cá mú. Kỹ thuật đánh bắt khác mang lại những hậu quả tiêu cực đến đa dạng sinh học như sử dụng nhiều đèn có độ chiếu sáng mạnh. Những loại đèn này như ta đã biết là sẽ đánh lạc hướng các loài rùa đang làm tổ. Các mối đe dọa khác đến các loài rùa biển ở Côn Đảo là việc thu nhặt trứng để làm thực phẩm, sự ô nhiễm dầu và sự phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng (Nguyễn Thị Đào 1999).

Cảng cá được xây dựng ở vịnh Bến Đầm, và đã được đề xuất khai trương vào cuối năm 2000. Hàng loạt công trình khác như bể chứa dầu sẽ được xây dựng trong các năm tới đây ở đảo Côn Sơn. Việc xây dựng các công trình này làm giao thông đường biển được tăng cường, và chắc chắn sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến các hệ sinh thái

biển trong việc gây ra ô nhiễm và làm tăng sự nhiễu loạn đến bãi làm tổ của các loài rùa biển.

Không chỉ các hoạt động của con người đe dọa đến đa dạng sinh học của vườn quốc gia Côn Đảo, mà trong năm 1997, cả quần đảo đã bị ảnh hưởng của cơn bão Linda, gây ra một số tổn hại cho các rạn san hô, và xáo trộn vùng làm tổ của các loài rùa biển.

Các giá trị khác

Quần đảo Côn Đảo có ý nghĩa quan trọng về lịch sử bởi đây là nơi đã từng có các nhà tù được thực dân Pháp và ngụy quyền miền Nam Việt Nam trước đây sử dụng. Nhiều nhà cách mạng nổi tiếng đã bị giam tại đây từ trước năm 1975, cho nên đây cũng là một di tích lịch sử. Một khu di tích lịch sử quốc gia rộng 30 ha đã được xây dựng trên đảo theo Quyết định Số 54/VH/QĐ của Bộ VHTT (ADB 1999)

Tại Quần đảo Côn Đảo dịch vụ du lịch đã phát triển và trở thành một trong những lĩnh vực kinh tế quan trọng của các đảo. Vườn quốc gia có nhiều tiềm năng về phát triển ngành du lịch trong tương lai, như hình thành du lịch đi bộ, xem chim, bơi lặn và quan sát các loài rùa biển làm tổ. Kiểm soát và phát triển du lịch liên quan đến môi trường là tiềm năng làm tăng sự hiểu biết về bảo vệ môi trường và tăng nguồn thu chung cho công tác quản lý vườn quốc gia.

Vùng biển quần đảo Côn Đảo là khu vực khai thác thủy sản quan trọng. Nhiều sản phẩm biển có giá trị kinh tế cao, như các loài cá mú, và các loài trai lớn có trong vùng này. Rừng ngập mặn ở các đảo là những khu vực cung cấp con giống quan trọng đối với ngành thủy sản.

Các dự án có liên quan

Nhiều nguồn tài trợ quốc tế đã rót kinh phí cho việc thực hiện các dự án bảo tồn ở vườn quốc gia Côn Đảo trong những năm gần đây. Trước tiên phải kể đến là Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên Thế giới (WWF) và Cơ quan Tư vấn Môi trường Toàn cầu đã thực hiện dự án: *Dự án trình diễn về quản lý môi trường biển và ven biển Côn Đảo* do Ngân

hàng Phát triển Châu á tài trợ (ADB). Các mục tiêu của dự án này là phát triển kế hoạch quản lý môi trường biển và ven biển và dự án du lịch cho vườn quốc gia. Thứ hai là WWF - Chương trình Đông Dương, Viện hải dương học Nha Trang và Trường Đại học Khoa học và kỹ thuật Hồng Kông đã thực hiện dự án do DANIDA tài trợ về bảo tồn đa dạng sinh học biển trong năm 1998. Cuối cùng WWF - Chương trình Đông Dương đã thực hiện dự án do DANIDA tài trợ ở giai đoạn hai trong năm 2000.

Ngoài ra một dự án năm năm cho giai đoạn cuối (giai đoạn 3) của WWF đang được thực hiện ở vườn quốc gia Côn Đảo. WWF - Chương trình Đông Dương đang cùng với ban quản lý vườn thực hiện dự án bảo tồn rùa biển. Dự án này được khởi đầu bằng chương trình giám sát rùa biển, và đã năm lần cho ấp nhân tạo để bảo vệ các trứng của rùa biển khỏi bị phá hủy tự nhiên. Dự án này do Chương trình WWF Quốc tế và WWF Mỹ và WWF Hà Lan tài trợ (Nguyễn Thị Đào pers. comm.).

Cuối cùng, Tổ chức Tình nguyện Quốc ngoại (VSO) có hai người tình nguyện đang làm việc ở vườn quốc gia: một người dạy tiếng Anh và người khác làm ở bộ phận khoa học.

Tài liệu tham khảo

ADB (1999) Draft coastal and marine protected areas plan. Hanoi: Asian Development Bank.

Anon. (1990) [Investment plan for Con Dao National Park]. Con Dao: Con Dao National Park Management Board and the Centre for Natural Resources and Environmental Studies. In Vietnamese.

Anon. (1997) [Investment plan for Con Dao National Park: 1998-2002]. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Sub-FIPI. In Vietnamese.

Anon. (1998) [Con Dao National Park special issue]. Bien [The Sea]: August, September and October 1998. In Vietnamese.

Con Dao National Park Management Board (2000) [FPD questionnaire]. Con Dao: Con Dao

National Park Management Board. In Vietnamese.

Con Dao National Park (2000) Con Dao National Park, Vietnam. Tourist map of by Con Dao National Park.

Con Dao National Park (2000) Ecotourism in Con Dao National Park. Tourist booklet for Con Dao National Park.

Cox, N. (2000) Vietnam's gentle sea cow teeters on brink of extinction. Vietnam News 16 September 2000.

Hardcastle, J. (undated) Tourism development on Con Dao islands: a case study in action. Unpublished discussion paper.

Ngo An (1999) Effects of the Typhoon No. 5 on the protective power of the vegetation cover of Con Dao National Park. Lam Nghiep [Vietnam Forest Review] February 1999: 17-19. In Vietnamese.

Nguyen Chu Hoi, Nguyen Huy Yet and Dang Ngoc Thanh eds. (1998) [Scientific basis for marine protected areas planning]. Hai Phong: Hai Phong Institute of Oceanography. In Vietnamese.

Nguyen Duc Ngan (1994) [Building forestry database and vegetation map in Con Dao National Park]. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Sub-FIPI. In Vietnamese.

Nguyen Huy Yet and Vo Si Tuan (1995) [Information on proposed marine protected areas on the coast of Vietnam]. Hai Phong: Hai Phong Institute of Oceanography. In Vietnamese.

Nguyen Thi Dao (1999) Marine turtle status report in Con Dao National Park. Hanoi: WWF Indochina Programme.

Nguyen Truong Giang (1998) [Marine turtle conservation plan]. Unpublished report to Con Dao National Park Scientific Department. In Vietnamese.

Ross, M. and Andriani, A. D. (1998) Marine biodiversity conservation at Con Dao National Park, Vietnam. Hong Kong: Institute of

Environment and Sustainable Development, Hong Kong University of Science and Technology.

Scott, D. A. (1989) A directory of Asian wetlands. Gland: IUCN.

Vo Si Tuan ed. (1995) [Survey report on the biodiversity resource utilisation and the conservation potential of Con Dao island]. Nha Trang: Nha Trang Institute of Oceanography. In Vietnamese.

Vo Si Tuan ed. (1995) Survey report on the biodiversity, resource utilization and conservation potential of Con Dao islands (south Vietnam). Nha Trang: Nha Trang Institute of Oceanography.

Vu An Ha, Nguyen Thanh Son, Hoang Dung and Vu Van Bien (1983) [Science report on Con Dao protected area]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Wildash, P. (1967) An ornithological expedition to Poulo Condore (Con Son). Newsletter of Ornithologists Association of Vietnam 1: 19-29.